



BÁO CÁO THỬ NGHIỆM VÀNH HỢP KIM NHẹ DÙNG CHO XE Ô TÔ
TEST REPORT OF LIGHT ALLOY WHEELS FOR AUTOMOBILES

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô
According to National Technical Regulation on Light alloy wheels equipped on vehicle

QCVN 78:2014/BGTVT

Tên sản phẩm : Vành hợp kim nhẹ ô tô
Component name : Light alloy wheels for automobiles
Ký hiệu sản phẩm/ : 18x9J
Component code
Cơ sở đăng ký thử nghiệm : Công ty TNHH Phát triển Thương mại Văn
Name of client : Hưng

Mục lục
Structure of the Test Report

- 1 Thông tin chung/ General information
- 2 Sản phẩm thử nghiệm/ Test product
- 3 Kết quả thử nghiệm/ Test result
- 4 Chú ý/ Remark
- 5 Kết luận/ Conclusion

1. Thông tin chung/ General information

- 1.1. Cơ sở đăng ký thử nghiệm / Công ty TNHH Phát triển Thương mại Văn Hưng
Name of client
- 1.2. Địa chỉ / Lô LK7-01 Khu nhà ở FLC, số 24, ngõ 64, Phố Sài Đồng,
Address of client Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- 1.3. Cơ sở nhập khẩu / Công ty TNHH Phát triển Thương mại Văn Hưng
Name of importer
- 1.4. Căn cứ để thử nghiệm/ Basis for test
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ
- Văn bản ĐKTN số 04/VH ngày 27/12/2019 của Công ty TNHH Phát triển Thương mại Văn Hưng
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 103059526360, đăng ký ngày 19/12/2019 tại Chi cục hải quan Hải Phòng (CHPKVIII)
- 1.5. Ngày giao đủ hồ sơ và mẫu thử/ Date of full delivery of document & sample 27/12/2019

2. Sản phẩm thử nghiệm/ Test product

- 2.1. Tên sản phẩm / Vành hợp kim nhẹ ô tô
Component name Light alloy wheels for automobiles
- 2.2. Nhãn hiệu/ Mark (Trademark) /
- 2.3. Số loại/ Model code 16581890
- 2.4. Ký hiệu sản phẩm/ Component code 18x9J
- 2.5. Số lượng mẫu/ Sample quantity 04
- 2.6. Ảnh chụp mẫu thử nghiệm/ Photograph(s) of test sample Phụ lục / Annex 1
- 2.7. Thông số kỹ thuật do cơ sở ĐKTN đăng ký / Phụ lục / Annex 2
Product technical specification registered by client

3. Kết quả thử nghiệm/ Test result

- 3.1. Yêu cầu chung/ General requirement Đạt / Pass
- 3.2. Độ kín khí/ Air leakage test Đạt / Pass
- 3.3. Độ bền mỗi góc/ Rotating bending test Đạt / Pass
- 3.4. Độ bền động lực học mỗi hướng tâm/ Rolling test Đạt / Pass
- 3.5. Độ bền dưới tác dụng của tải trọng va đập/ Impact test Đạt / Pass

4 Chú ý/ Remark

- 4.1. Báo cáo thử nghiệm bị tẩy xóa, sửa chữa sẽ không có giá trị./ Erased or modified test report will be invalid.
- 4.2. Kết quả trong báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về chất lượng và thông số kỹ thuật của mẫu thử đã trả lại cho Cơ sở đăng ký thử nghiệm./ The results in the test report are only valid for the sample at the time of testing. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not responsible for the quality and specifications of the sample returned to client
- 4.3. Nguồn gốc, ký hiệu thiết kế, ký hiệu sản phẩm, số loại, nhãn hiệu sản phẩm ghi theo đăng ký của cơ sở đăng ký thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các thông tin đăng ký hoặc các tranh chấp về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp đối với mẫu thử của cơ sở đăng ký thử nghiệm/ Origin, design code, component code, model code and mark/trademark are in accordance with registration of the client. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the registered information or dispute of mark/trademark or industrial design of the client's samples.
- 4.4. Báo cáo thử nghiệm có giá trị sử dụng trong 36 tháng kể từ ngày ký để đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm. / The test report is valid for 36 months from the date of signing for registration of product's type approval certificate

5 Kết luận/ Conclusion

Vành hợp kim nhẹ ô tô nêu trên được thử nghiệm và thỏa mãn các yêu cầu của QCVN 78:2014/BGTVT đối với các hạng mục nêu tại mục 3 của báo cáo.

The above light alloy wheels for automobiles samples were tested and complied with the requirements of QCVN 78:2014/BGTVT for the items mentioned in item 3 of the report.

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2020 /Date

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER



GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
Phạm Minh Thành

THÔNG SỐ KỸ THUẬT/ Product's technical specification
(Theo đăng ký của cơ sở ĐKTN)/ (Accordance with registration of the client)

- 1 Tên thương mại (nhãn hiệu)/ Mark : /
- 2 Ký hiệu kích cỡ vành/ Rim size : 9JX18
- 3 Sử dụng cho loại lốp có săm hay không săm : Không săm
Use with tubetype tyre or tubeless tyre
- 4 Ký hiệu kích cỡ lốp lớn nhất có thể lắp cho vành hợp kim thử nghiệm/ Maximum tyre size used for wheel : 265/60R18
- 5 Kích cỡ lốp sử dụng cho thử nghiệm vành : 265/60R18
Tyre size used for wheel
- 6 Áp suất lốp lớn nhất lắp vành xe (kPa) : 350
Maximum tyre pressure (kPa)
- 7 Áp suất lốp sử dụng cho thử nghiệm vành (kPa) : 350
Tyre pressure for testing (kPa)
- 8 Vị trí lắp trên xe (vành trước, vành sau) : Vành trước và vành sau
Position on the vehicle (front wheel, rear wheel)
- 9 Tải trọng danh nghĩa của vành xe (kg) : 1000
Nominal load of wheel (kg)
- 10 Tải trọng tĩnh lớn nhất cho phép trên bánh xe (kg) : 1000
Maximum static load capacity of wheel (kg)
- 11 Độ lệch ngang của vành xe d (mm) : 12
Inset of wheel d (mm)
- 12 Mô men siết của bu lông lắp bánh xe (Nm) : 120
Wheel bolt torque moment (Nm)
- 13 Mô men siết bu lông lắp vành, tại vị trí mối ghép (Nm) : /
Rim bolt torque moment, at bolt link (Nm)
- 14 Nhóm xe sử dụng (M1, N1) : M1
Vehicle type (M1, N1)
- 15 Tên cơ sở sản xuất : SHANDONG SHUANGWANG ALUMINIUM INDUSTRY CO., LTD
Name of manufacturer
- 16 Địa chỉ cơ sở sản xuất : NO.7, NANYI ROAD, DONGYING DISTRICT, DONGYING CITY SHANDONG PROVINCE, CHINA
Address of manufacturer

